

Số: 237 /QĐ-BHĐ

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch hành động của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam thực hiện Quyết định số 3276/QĐ-BNNMT ngày 17/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW

CỤC TRƯỞNG CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 355/2026/NĐ-CP ngày 11/9/2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 207/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3276/QĐ-BNNMT ngày 17/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết;

Căn cứ Nghị quyết số 225-NQ/ĐU ngày 18/9/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ Cục Biển và Hải đảo Việt Nam về triển khai thực hiện Nghị quyết số 40-NQ/ĐU ngày 17/8/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý điều tra cơ bản biển và hải đảo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam thực hiện Quyết định số 3276/QĐ-BNNMT ngày 17/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương

Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Cục chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Đặng Ngọc Điệp (để báo cáo);
- Các đơn vị tham mưu, tổng hợp thuộc Bộ;
- Các đơn vị trực thuộc Cục;
- Lưu: VT, QLĐTB.



Nguyễn Quốc Toàn

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM

Thực hiện Quyết định số 3276/QĐ-BNNMT ngày 17/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BHD ngày tháng năm 2026 của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Cụ thể hóa Nghị quyết số 225-NQ/ĐU ngày 18/9/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ Cục Biển và Hải đảo Việt Nam và các nhiệm vụ được Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao cho Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tại Kế hoạch hành động của Bộ; xác định rõ nội dung công việc, sản phẩm, tiến độ, đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp trong Cục để tổ chức thực hiện đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm.

Phát huy vai trò của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trong tham mưu, giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo; tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục theo quy định của pháp luật; bảo đảm việc thực hiện gắn với chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, đơn vị trực thuộc Cục.

Kế thừa các nhiệm vụ, chương trình, đề án đang triển khai theo Nghị quyết số 36-NQ/TW¹, Nghị quyết số 26/NQ-CP² và các văn bản có liên quan; đồng thời rà soát, cập nhật các yêu cầu mới về quản trị biển hiện đại, quy hoạch không gian biển, dữ liệu số biển, điều tra cơ bản, quản lý khai thác sử dụng biển, kiểm soát tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hợp tác quốc tế về biển, đại dương.

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất; kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp xử lý, báo cáo Lãnh đạo Bộ và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Quán triệt, truyền thông và phổ biến chính sách, pháp luật về quản

¹ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

² Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo

Tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động số 34-CTr/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 218/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 40-NQ/ĐU ngày 17/8/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Quyết định số 3276/QĐ-BNNMT ngày 17/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Nghị quyết số 225-NQ/ĐU ngày 18/9/2026 của Đảng ủy Cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Kế hoạch hành động này đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động thuộc Cục; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh vào chương trình, kế hoạch công tác, đào tạo, bồi dưỡng, truyền thông, kiểm tra, giám sát hằng năm của Cục và các đơn vị trực thuộc.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo; khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển; kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường biển; quản lý, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương; qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm và ý thức tuân thủ pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Tập trung hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sửa đổi); đề xuất các nội dung về giao, cho thuê, sử dụng, khai thác không gian biển; nghĩa vụ tài chính; bảo vệ tài nguyên, môi trường; phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và xử lý xung đột trong sử dụng biển.

Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp biển, hải đảo, vùng bờ, môi trường biển, đa dạng sinh học biển, giao khu vực biển, nhận chìm ở biển, kiểm soát ô nhiễm và các lĩnh vực liên quan.

Phối hợp rà soát mô hình quản lý nhà nước về biển, đảo; đề xuất cơ chế điều phối liên ngành, liên vùng, quy trình phối hợp xử lý vấn đề phát sinh trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, không gian biển và bảo vệ môi trường biển.

3. Đổi mới công tác quy hoạch không gian biển; quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển, vùng bờ

Rà soát, cập nhật và điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó chú trọng đến việc phân vùng chức năng khu vực biển cho hàng hải, cảng biển, năng lượng ngoài khơi, thủy sản, nuôi biển, du lịch, dịch vụ, bảo tồn biển... đã được giao tại Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Hội nghị lần thứ hai, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”; bảo đảm kết nối giữa không gian đất liền, biển, đảo, vùng trời, vùng bờ

và các không gian phát triển mới.

Tổ chức rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; chú trọng khai thác, phát triển bền vững các vùng đất ven biển, vùng biển ven bờ, đảo và hải đảo.

Xây dựng, trình ban hành quy định, hướng dẫn kỹ thuật về phân vùng chức năng, sử dụng không gian biển; xây dựng bản đồ số và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, giám sát việc thực hiện quy hoạch.

Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/TW.

4. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, dữ liệu biển, hợp tác quốc tế và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Đề xuất, triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quản trị biển, quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo, bảo tồn hệ sinh thái biển, kiểm soát ô nhiễm biển, và ứng dụng công nghệ số trong quản lý biển, hải đảo.

Đẩy mạnh ứng dụng viễn thám, trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, hệ thống thông tin địa lý và các công cụ số phục vụ giám sát ô nhiễm môi trường biển, biến động bờ biển, hệ sinh thái biển, ven biển và hỗ trợ ra quyết định trong quản lý tổng hợp biển, hải đảo.

Tăng cường hợp tác quốc tế theo hướng thực chất, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên hợp tác trong điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học biển, quản trị biển hiện đại, chuyển giao công nghệ, chia sẻ kinh nghiệm và dữ liệu; chủ động tham gia các diễn đàn, sáng kiến khu vực và quốc tế về biển, đại dương.

Tăng cường công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; từng bước mở rộng điều tra ở vùng biển sâu, biển xa, các khu vực có tiềm năng tài nguyên, khoáng sản, năng lượng, sinh học biển và các không gian phát triển mới; góp phần cung cấp cơ sở khoa học, dữ liệu phục vụ lập, điều chỉnh và tổ chức thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia.

Xây dựng, tích hợp, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về biển, bản đồ số biển; tổ chức lưu trữ, cập nhật và chia sẻ dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phục vụ quản trị biển hiện đại.

Rà soát nhu cầu và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức, chuyên gia biển theo hướng chất lượng cao; ưu tiên các lĩnh vực quản trị biển hiện đại, quy hoạch không gian biển, dữ liệu số, công nghệ biển, môi trường biển và hợp tác quốc tế.

5. Kiểm soát tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, đa dạng sinh học và rác thải nhựa đại dương

Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo; điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá nguồn thải ở vùng bờ, từ hoạt động trên biển và hải đảo; phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo; lập bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo.

Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về nhận chìm ở biển, quản lý chất thải từ các hoạt động trên biển, trên vùng bờ và hải đảo; kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng biển, vùng ven biển và hải đảo theo quy định.

Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường biển và hải đảo; tham gia ứng phó sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển; xây dựng, cập nhật phương án ứng phó sự cố môi trường biển.

Triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030; điều tra, khảo sát, nghiên cứu, đánh giá hiện trạng rác thải nhựa đại dương; phối hợp bảo tồn đa dạng sinh học biển, phục hồi hệ sinh thái biển và phát huy giá trị carbon xanh.

6. Bảo đảm nguồn lực; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp báo cáo

Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính, các Vụ tham mưu của Bộ và các đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp nhu cầu, đề xuất bố trí, lồng ghép và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ điều tra cơ bản, quy hoạch, xây dựng cơ sở dữ liệu, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường biển và hải đảo theo quy định.

Thiết lập cơ chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch; gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị và người đứng đầu phòng, trung tâm trực thuộc Cục.

Định kỳ hằng năm tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Lãnh đạo Bộ; tham mưu báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu.

Kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ, tiến độ, sản phẩm hoặc cơ chế phối hợp để bảo đảm thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 20-NQ/TW.

III. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, sản phẩm/kết

quả và thời hạn hoàn thành được xác định tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Kế hoạch hành động này.

Đơn vị được giao chủ trì chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công cán bộ phụ trách, phối hợp với các đơn vị có liên quan, tổ chức thực hiện, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Quản lý điều tra cơ bản biển và hải đảo để tổng hợp.

Đơn vị phối hợp có trách nhiệm tham gia đầy đủ, kịp thời, cung cấp thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu, ý kiến chuyên môn và phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo đề nghị của đơn vị chủ trì.

Đối với nhiệm vụ liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn, đơn vị chủ trì chủ động đề xuất Cục trưởng thành lập nhóm/tổ công tác để thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Cục căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và Phụ lục kèm theo Kế hoạch hành động này khẩn trương xây dựng kế hoạch triển khai của đơn vị; cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao, lồng ghép vào chương trình công tác và các chương trình, đề án, dự án có liên quan; tổ chức thực hiện bảo đảm chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

2. Chế độ báo cáo: Trước ngày 15 tháng 11 hằng năm, các đơn vị gửi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao về Phòng Quản lý điều tra cơ bản biển và hải đảo để tổng hợp; trường hợp Bộ, Cục có yêu cầu báo cáo đột xuất, đơn vị chủ trì nhiệm vụ gửi báo cáo theo thời hạn được thông báo.

3. Các đơn vị thuộc Cục chủ động phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện; kịp thời báo cáo Lãnh đạo Cục những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp để bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Việc triển khai Kế hoạch hành động là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của các đơn vị và người đứng đầu theo quy định./.

Phụ lục I:
MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BHD ngày tháng năm 2026 của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam)

Ghi chú: Trong Phụ lục I và Phụ lục II, các chữ viết tắt được sử dụng như sau: CSPC - Phòng Chính sách - Pháp chế; KHQT - Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế; QLĐTB - Phòng Quản lý điều tra cơ bản biển và hải đảo; QLKTB - Phòng Quản lý khai thác biển và hải đảo; KSMTB - Phòng Kiểm soát tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

TT	Mục tiêu, Chỉ tiêu	Kết quả	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sửa đổi).	Dự án Luật được trình Quốc hội xem xét, thông qua.	2026	Phòng CSPC	Các phòng: QLKTB, QLĐTB, KSMTB, KHQT; các Trung tâm trực thuộc Cục.
2	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch được trình cấp có thẩm quyền.	2026 - 2027	Phòng QLKTB	Các phòng: QLĐTB, KSMTB; các Trung tâm trực thuộc Cục.
3	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch được trình cấp có thẩm quyền.	2026 - 2030	Phòng QLKTB	Các phòng: QLĐTB, KSMTB; các Trung tâm trực thuộc Cục.
4	Cập nhật, điều chỉnh Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Hồ sơ điều chỉnh Chiến lược được trình cấp có thẩm quyền.	2027 - 2028	Phòng QLĐTB	Các phòng: QLKTB, KSMTB, KHQT; các Trung tâm trực thuộc Cục.
5	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030.	Hồ sơ điều chỉnh Chương trình được trình cấp có thẩm quyền.	2026	Phòng QLĐTB	Các phòng: QLKTB, KSMTB, KHQT; các Trung tâm trực thuộc Cục.

TT	Mục tiêu, Chỉ tiêu	Kết quả	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
6	Phân vùng chức năng không gian biển cho các ngành kinh tế biển và các địa phương có biển.	100%	Đến 2030	Phòng QLKTB	Các phòng: QLĐTB, KSMTB; các Trung tâm trực thuộc Cục.
7	Tỷ lệ chất thải nhựa ven biển được thu gom, xử lý (thực hiện theo Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030).	Theo mục tiêu cụ thể đến năm 2030 (tại Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ)	Đến 2030	Phòng KSMTB	Các phòng: KHQT, QLĐTB; các Trung tâm trực thuộc Cục.

Phụ lục II:**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BHD ngày tháng năm 2026 của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Tiến độ
I. Quán triệt, truyền thông và phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo					
1	Xây dựng, ban hành Kế hoạch hành động của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam thực hiện Nghị quyết số 40-NQ/ĐU và Kế hoạch hành động của Bộ.	Phòng QLĐTB	Văn phòng Cục; các phòng: CSPC, KHQT, QLKTB, KSMTB; các Trung tâm trực thuộc Cục	Quyết định của Cục trưởng ban hành Kế hoạch	9/2026
2	Tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động số 34-CTr/TW, Nghị quyết số 218/NQ-CP, Nghị quyết số 40-NQ/ĐU và Kế hoạch hành động của Bộ; xây dựng kế hoạch truyền thông về quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; kinh tế biển xanh; rác thải nhựa đại dương; khai thác, sử dụng bền vững biển, đảo.	Phòng QLĐTB	Văn phòng Cục; các phòng: CSPC, KHQT, QLKTB, KSMTB; các Trung tâm trực thuộc Cục	Hội nghị/cuộc họp phổ biến; tài liệu quán triệt; báo cáo kết quả; Kế hoạch truyền thông; tin, bài, chuyên đề truyền thông	2026 và hằng năm
3	Rà soát chương trình công tác của Cục, các nhiệm vụ, đề án, dự án đang triển khai để lồng ghép mục tiêu xây dựng và phát triển quốc gia biển mạnh.	Phòng KHQT	Văn phòng Cục; các phòng: QLĐTB, CSPC, QLKTB, KSMTB; các Trung tâm trực thuộc Cục	Chương trình công tác của Cục được cập nhật; báo cáo rà soát, đề xuất lồng ghép nhiệm vụ.	Hằng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Tiến độ
II. Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo					
4	Tham mưu hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sửa đổi).	Phòng CSPC	Các phòng: QLĐTB, QLKTB, KSMTB, KHQT.	Hồ sơ dự án Luật trình cấp có thẩm quyền; báo cáo tiếp thu, giải trình; tài liệu phục vụ thẩm định, thẩm tra.	2026
5	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về biển, hải đảo, vùng bờ, giao khu vực biển, nhận chìm ở biển, môi trường biển, đa dạng sinh học biển và các lĩnh vực liên quan.	Phòng CSPC	Các phòng: QLĐTB, QLKTB, KSMTB, KHQT.	Danh mục văn bản được rà soát; văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền	2026 - 2028
6	Phối hợp rà soát mô hình quản lý nhà nước về biển, đảo; đề xuất cơ quan đầu mối, cơ chế điều phối liên ngành, liên vùng và quy trình phối hợp xử lý vấn đề phát sinh trên biển.	Văn phòng Cục	Các phòng: QLĐTB; CSPC, KHQT, QLKTB, KSMTB.	Báo cáo rà soát, đề xuất kiện toàn mô hình quản lý nhà nước về biển, cơ chế điều phối liên ngành trình cấp có thẩm quyền.	2026 - 2027
7	Tham mưu hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý của Cục; phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực biển và hải đảo.	Phòng CSPC	Văn phòng Cục; các phòng: QLĐTB, QLKTB, KSMTB, KHQT.	Văn bản hướng dẫn; tài liệu phổ biến pháp luật; hội nghị/tập huấn; báo cáo kết quả.	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Tiến độ
III. Quy hoạch không gian biển, quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên biển, vùng bờ, đảo và hải đảo					
8	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Phòng QLKTĐ	Các phòng: QLĐTB, KSMTĐ; các Trung tâm trực thuộc Cục.	Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch; báo cáo tổng hợp; bản đồ, dữ liệu, phụ lục kỹ thuật trình cấp có thẩm quyền	2026 - 2027
9	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Phòng QLKTĐ	Các phòng: QLĐTB, KSMTĐ; các Trung tâm trực thuộc Cục.	Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch vùng bờ; báo cáo đánh giá, đề xuất; dữ liệu, bản đồ phục vụ quy hoạch.	2026 - 2030
10	Xây dựng quy định, hướng dẫn kỹ thuật về phân vùng chức năng, sử dụng không gian biển.	Phòng QLKTĐ	Các phòng: QLĐTB, KSMTĐ, CSPT; các Trung tâm trực thuộc Cục.	Văn bản hướng dẫn	2026 - 2030
11	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Phòng QLĐTB	Các phòng: QLKTĐ, KSMTĐ, KHQT; Trung tâm Thông tin, dữ liệu biển và hải đảo quốc gia	Báo cáo rà soát; dự thảo văn bản đề xuất điều chỉnh, cập nhật Chiến lược trình cấp có thẩm quyền.	2027 - 2028
12	Tăng cường điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; rà soát, đề xuất phương án xử lý các dự án thuộc Chương trình trọng điểm và đề xuất mở mới các dự án giai đoạn 2026 - 2030, ưu tiên khu vực biển sâu, biển xa, vùng bờ, đảo, hải đảo và các khu vực có tiềm năng phát triển kinh tế biển mới.	Phòng QLĐTB	Các phòng: KHQT, QLKTĐ, KSMTĐ; các Trung tâm trực thuộc Cục.	Chương trình, nhiệm vụ điều tra cơ bản được phê duyệt, triển khai; báo cáo kết quả điều tra; cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản được cập nhật.	2026 - 2030

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Tiến độ
13	Xây dựng, tích hợp, kết nối, chia sẻ và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về biển, bản đồ số biển và đại dương, dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	Trung tâm Thông tin, dữ liệu biển và hải đảo quốc gia	Các phòng: QLĐTB, KHQT, QLKTB, KSMTB; các Trung tâm trực thuộc Cục.	Hệ thống cơ sở dữ liệu, bản đồ số, nền tảng chia sẻ dữ liệu được xây dựng, vận hành, cập nhật; báo cáo vận hành.	2026 - 2030
IV. Khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, hợp tác quốc tế và phát triển nguồn nhân lực					
14	Đề xuất, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quản trị biển, điều tra cơ bản, quan trắc, dự báo, bảo tồn hệ sinh thái biển, kiểm soát ô nhiễm biển và thích ứng biến đổi khí hậu.	Phòng KHQT	Các phòng: QLĐTB, QLKTB, KSMTB; các Trung tâm trực thuộc Cục.	Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hồ sơ đề xuất; báo cáo kết quả	2026 - 2030
15	Đẩy mạnh ứng dụng viễn thám, trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, hệ thống thông tin địa lý trong quản lý, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.	Trung tâm Thông tin, dữ liệu biển và hải đảo quốc gia	Các phòng: KHQT, QLĐTB, QLKTB, KSMTB; các Trung tâm trực thuộc Cục.	Mô hình/công cụ ứng dụng công nghệ; báo cáo thử nghiệm, triển khai; cơ sở dữ liệu, bản đồ chuyên đề.	2026 - 2030
16	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ môi trường biển, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học, kinh tế biển xanh và chuyển giao công nghệ biển.	Phòng KHQT	Các phòng: QLĐTB, QLKTB, KSMTB; các Trung tâm trực thuộc Cục.	Chương trình/kế hoạch hợp tác quốc tế; văn bản hợp tác; báo cáo đoàn ra, đoàn vào, hội nghị, diễn đàn quốc tế.	Hàng năm
17	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức về quản trị biển hiện đại, quy hoạch không gian biển, quản lý môi trường biển, thủy sản bền vững, dữ liệu biển và hợp tác quốc tế về biển, đại dương.	Văn phòng Cục	Các phòng: KHQT, QLĐTB, QLKTB, KSMTB; các Trung tâm trực thuộc Cục.	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; báo cáo kết quả hằng năm	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Tiến độ
V. Kiểm soát tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, đa dạng sinh học và rác thải nhựa đại dương					
18	Đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo; lập báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo quốc gia, chuyên đề; hướng dẫn địa phương lập báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo.	Phòng KSMTB	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên - môi trường biển khu vực phía Bắc; các phòng: QLĐTB, QLKTB, KHQT; các Trung tâm trực thuộc Cục.	Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo; báo cáo chuyên đề; văn bản hướng dẫn địa phương.	2026 - 2030
19	Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá nguồn thải ở vùng bờ, từ hoạt động trên biển và hải đảo; đánh giá tình trạng ô nhiễm; phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo.	Phòng KSMTB	Các phòng: QLĐTB, QLKTB, KHQT; các Trung tâm trực thuộc Cục.	Báo cáo điều tra, đánh giá; bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm; dữ liệu nguồn thải được cập nhật.	2026 - 2030
20	Phối hợp bảo vệ đa dạng sinh học, mở rộng và quản lý hiệu quả khu bảo tồn biển, bảo vệ rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển, bãi triều, vùng đất ngập nước ven biển	Phòng KSMTB	Các phòng: QLĐTB, QLKTB, KHQT; các Trung tâm trực thuộc Cục.	Ý kiến góp ý, báo cáo phối hợp; dữ liệu, bản đồ, đề xuất bảo tồn, phục hồi hệ sinh thái biển.	2026 - 2030
21	Thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030; điều tra, khảo sát, nghiên cứu, đánh giá hiện trạng rác thải nhựa đại dương.	Phòng KSMTB	Các phòng: KHQT, QLĐTB; các Trung tâm trực thuộc Cục.	Báo cáo kết quả thực hiện; dữ liệu, bản đồ hiện trạng rác thải nhựa đại dương; tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn.	2026 - 2030

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Tiến độ
22	Phối hợp xây dựng Đề án/Chương trình phát triển hệ sinh thái kinh tế biển hiện đại, chú trọng phát triển kinh tế biển trong phạm vi 12 hải lý.	Phòng QLKTB	Các phòng: QLĐTB, KSMTB, CSPC; các Trung tâm trực thuộc Cục.	Ý kiến góp ý, nhiệm vụ, mô hình, cơ chế quản lý và phát triển kinh tế biển trong phạm vi 12 hải lý thuộc phạm vi của Bộ được đề xuất, triển khai.	2026 - 2030
23	Kiểm tra, giám sát và tuân thủ pháp luật về tài nguyên, môi trường biển	Phòng KSMTB	Các phòng: QLĐTB, QLKTB, KHQT; các Trung tâm trực thuộc Cục.	Kế hoạch kiểm tra, giám sát; báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát; văn bản kiến nghị xử lý, khắc phục các tồn tại, vi phạm theo quy định.	2026 - 2030
VI. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp báo cáo					
24	Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương ven biển trong xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng về sử dụng không gian biển, môi trường biển, thủy sản, thiên tai, quốc phòng, an ninh và an toàn trên biển.	Phòng QLKTB	Các phòng: CSPC, QLĐTB, KSMTB, KHQT.	Cơ chế/phương án phối hợp; văn bản tham gia ý kiến; báo cáo kết quả	2026 - 2030
25	Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch hành động của Bộ và Cục; định kỳ báo cáo Bộ trưởng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo yêu cầu.	Phòng QLĐTB	Văn phòng Cục; các phòng: CSPC, KHQT, QLKTB, KSMTB; các Trung tâm trực thuộc Cục	Báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, báo cáo sơ kết, tổng kết; văn bản đôn đốc tiến độ.	Hàng năm
26	Rà soát nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án đang triển khai theo Nghị quyết số 26/NQ-CP; đề xuất tiếp tục thực hiện, điều chỉnh, tích hợp hoặc dừng thực hiện theo thẩm quyền.	Phòng QLĐTB	Văn phòng Cục; các phòng: CSPC, KHQT, QLKTB, KSMTB; các Trung tâm trực thuộc Cục	Báo cáo rà soát, đề xuất xử lý nhiệm vụ, đề án, dự án	2026 - 2027